

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

MỘT SỐ Ý KIẾN TRAO ĐỔI VỀ PHẦN TIẾNG VIỆT TRONG SÁCH NGỮ VĂN MỚI Ở TRUNG HỌC CƠ SỞ: BỘ SÁCH “CÁNH DIỀU”

NGUYỄN VĂN LỘC* - NGUYỄN MẠNH TIẾN**

TÓM TẮT: Bài viết nêu một số ý kiến trao đổi về phần Tiếng Việt trong sách Ngữ văn mới (Bộ *Cánh diều*) ở Trung học cơ sở nhằm giúp giáo viên tổ chức dạy - học phần này đạt kết quả tốt. Hai nội dung chính mà bài viết đề cập là: 1) Sự điều chỉnh ở nội dung về từ loại: Xếp các từ *những, các, mọi, mỗi, từng,...* vào phó từ; các từ *này, kia, ấy, đó,...* vào đại từ; các từ *à, ư, nhỉ, nhé,...* vào trợ từ; 2) Sự điều chỉnh cách hiểu về thành phần trạng ngữ: Về cú pháp, trạng ngữ là thành phần câu có quan hệ với vị ngữ. Về cấu tạo, trạng ngữ không chỉ được biểu hiện bằng từ, cụm từ chính phụ mà còn có thể được biểu hiện bằng cụm chủ vị.

TỪ KHÓA: phó từ; đại từ; trợ từ; cụm từ chính phụ; cụm chủ vị; trạng ngữ.

NHẬN BÀI: 21/02/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 08/05/2023

1. Đặt vấn đề

Đến nay, việc triển khai biên soạn các bộ sách Ngữ văn mới ở Trung học cơ sở đã hoàn thành ở các lớp 6,7,8 (theo dự kiến, ở lớp 8, sách Ngữ văn mới sẽ được đưa vào sử dụng từ tháng 9/2023). Tìm hiểu việc dạy - học theo sách Ngữ văn mới (Bộ *Cánh diều*), có thể thấy giáo viên đã được chuẩn bị tương đối tốt và nhìn chung, không gặp những khó khăn lớn trong việc tổ chức dạy - học. Tuy nhiên, do sách Ngữ văn mới có sự thay đổi (điều chỉnh) ở một số nội dung cụ thể và ở cách trình bày nên giáo viên bước đầu cũng gặp những khó khăn nhất định trong tổ chức dạy - học. Riêng về phần Tiếng Việt, qua các kênh thông tin, chúng tôi đã nhận được ý kiến phản ánh của giáo viên về những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức dạy - học một số nội dung cụ thể (chủ yếu ở nội dung về ngữ pháp). Trước thực tế đó, với mong muốn giúp anh chị em giáo viên giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức dạy - học, trong bài viết này, chúng tôi nêu một số ý kiến trao đổi về những thay đổi (điều chỉnh) ở phần Tiếng Việt trong sách Ngữ văn mới (Bộ *Cánh diều*).

Hai nội dung chính mà bài viết sẽ đề cập là: 1) Một số điều chỉnh ở nội dung về từ loại; 2) Một số điều chỉnh ở nội dung về thành phần câu.

2. Một số điều chỉnh ở nội dung về từ loại

Về từ loại, so với sách Ngữ văn cũ, ở sách Ngữ văn mới có ba sự điều chỉnh liên quan đến ba từ loại mà sách Ngữ văn cũ gọi là *lượng từ, tình thái từ, chỉ từ*. Cụ thể:

- 1) Xếp các từ: *những, các, mọi, mỗi, từng,...* (sách Ngữ văn cũ gọi là *lượng từ*) vào *phó từ*.
- 2) Xếp các từ: *à, ư, nhỉ, nhé,...* (sách Ngữ văn cũ gọi là *tình thái từ*) vào *trợ từ*.
- 3) Ngoài ra, các từ: *này, kia, ấy, đó, nọ,...* (sách Ngữ văn cũ gọi là *chỉ từ*) cũng sẽ không được sách Ngữ văn và sách Tiếng Việt mới xem là một từ loại riêng (mà sẽ được xếp vào *đại từ*).

Sự điều chỉnh này dựa trên những cơ sở và nhằm các mục đích sau:

1) Bảo đảm sự phù hợp giữa nội dung của sách Ngữ văn mới với nội dung dạy - học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (môn Ngữ văn): Chương trình 2018 chỉ đề cập đến 9 từ loại: *danh từ, động từ, tính từ, số từ, đại từ, phó từ, kết từ, trợ từ, thán từ*. Như vậy, trong Chương trình mới không có các thuật ngữ về từ loại như *lượng từ, chỉ từ, tình thái từ*; do đó, việc sách Ngữ văn mới không đề cập đến các từ loại này là để đảm bảo sự tuân thủ quy định của Chương trình.

2) Hướng tới sự sắp xếp lại hệ thống từ loại trong sách Ngữ văn mới cho ngày càng hợp lý hơn. Vấn đề này sẽ được phân tích rõ thêm ở dưới đây.

a) Đối với “*lượng từ*”: Cần nói rằng, việc sách Ngữ văn cũ tách các từ như: *những, các, mọi, mỗi, từng,...* thành từ loại riêng (*lượng từ*) là giải pháp có sở nhất định. Về thực chất, đây là cách phân loại và

* PGS.TS; Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên; Email: nguyenvanloc.sptn@gmail.com

** TS; Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên; Email: nguyenmanhtien1286@gmail.com

[Nguyễn Kim Thân, 1997, tr.273], [Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2003, tr.90, 110], [Đình Văn Đức, 2010, tr.203], [Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Mạnh Tiến, 2017, tr.135].

- Về chức năng: Cả “chỉ từ” và đại từ đều được dùng để thay thế cho các từ, cụm từ nhất định. Ví dụ:
+ Đại từ:

(1) *Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp rồi hấn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.* (Ngô Tất Tố). Ở câu vừa dẫn, đại từ *hấn* thay thế cho từ *cai lệ*.

+ Chỉ từ:

(2) *Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.* (Hồ Chí Minh). Ở câu vừa dẫn, “chỉ từ” *ấy* thay thế cho cụm từ *anh hùng dân tộc*.

Đáng chú ý là có những trường hợp, đại từ và “chỉ từ” cùng được dùng để thay thế cho một cụm từ. Ví dụ:

(3) *Người nhà lí trưởng hình như không dám hành hạ một người đang ốm nặng, sợ hoặc xảy ra sự gì, hấn cứ lóng ngóng ngơ ngác, muốn nói mà không dám nói. Đùng đùng, cai lệ giật phắt cái thừng trong tay anh nầy và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu.* (Ngô Tất Tố). Ở đoạn văn vừa dẫn, đại từ (*hấn*) và “chỉ từ” (*này*) đều được dùng để thay thế cho cụm từ *người nhà lí trưởng*. Những nét tương đồng (về nghĩa chỉ trỏ và chức năng thay thế) giữa đại từ và “chỉ từ” như chỉ ra trên đây cho thấy “chỉ từ” thực chất chỉ là một tiểu loại thuộc đại từ và việc điều chỉnh cách hiểu về nhóm từ này (xếp “chỉ từ” vào đại từ) là giải pháp hợp lí. Đây cũng chính là giải pháp của nhiều công trình nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt. [Nguyễn Tài Cẩn, 1998, tr.340], [Nguyễn Kim Thân, 1997, tr.292], [Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2003, tr.110], [Đình Văn Đức, 2010, tr.205], [Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Mạnh Tiến, 2017, tr.140]. Theo giải pháp này, đại từ cũng là một từ loại không thuần nhất nội bộ mà bao gồm một số tiểu loại. Ví dụ: đại từ nhân xưng (*tôi, ta, tớ, tao, mày, nó, hấn...*), đại từ chỉ định (*này, kia, ấy, đó,...*)...

Theo sự điều chỉnh trên đây, hệ thống từ loại trong sách Tiếng Việt và sách Ngữ văn mới sẽ chỉ gồm 9 từ loại (thay cho 12 từ loại như ở sách Tiếng Việt và sách Ngữ văn cũ). Hệ thống từ loại này hoàn toàn phù hợp với hệ thống từ loại được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (môn Ngữ văn) cả về số lượng và tên gọi. Không chỉ đảm bảo sự phù hợp với nội dung của Chương trình 2018, sự điều chỉnh về hệ thống từ loại trong sách Ngữ văn mới còn giúp làm rõ thêm các diện đối lập cơ bản trong hệ thống từ loại tiếng Việt; cụ thể, làm rõ hơn phạm vi, ranh giới của một số từ loại có đặc điểm tương đối phức tạp như *phó từ, đại từ, trợ từ*. Đối với giáo viên, sự điều chỉnh này, nhìn chung, không gây khó khăn, trở ngại lớn trong tổ chức dạy - học vì nó không dẫn đến sự thay đổi cơ bản về kiến thức mà chỉ là sự điều chỉnh về tên gọi và phạm vi của một số nhóm từ cho phù hợp hơn.

3. Một số điều chỉnh ở nội dung về thành phần câu

Ở nội dung về thành phần câu, sách Ngữ văn mới cũng có một số điều chỉnh, trong đó, đáng chú ý là sự điều chỉnh liên quan đến *trạng ngữ*. Đây cũng chính là sự điều chỉnh dẫn đến những băn khoăn, thắc mắc của giáo viên. Chẳng hạn, một số anh chị em giáo viên đã nêu những câu hỏi như: Ở câu (4): “*Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoãn, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi.*”, các từ in đậm là trạng ngữ hay là phụ ngữ trong cụm tính từ, cụm động từ? Vì sao cụm chủ vị là một vế trong câu ghép lại được coi là trạng ngữ? Ở mục này, chúng tôi sẽ nêu một số ý kiến trao đổi cụ thể để giải đáp những câu hỏi trên đây.

3.1. Sự điều chỉnh cách hiểu về quan hệ cú pháp của trạng ngữ

Theo cách hiểu truyền thống, trạng ngữ được coi là thành phần thứ yếu hay thành phần phụ của câu có quan hệ ngữ nghĩa, cú pháp với toàn bộ nòng cốt câu. [Nguyễn Kim Thân, 1964, tr.521], [Diệp Quang Ban, 1984, tr.175], [Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2003, tr.239]. Đây cũng là quan niệm được thể hiện trong sách Tiếng Việt và sách Ngữ văn cũ [Tiếng Việt 4, tập hai, 2017, tr.126]. Theo quan niệm này, những từ, cụm từ chỉ có quan hệ cú pháp với vị ngữ (vị từ) không được coi là trạng ngữ mà được coi là “bổ ngữ tự do” (*bổ ngữ hoàn cảnh, trạng tố*) của vị từ [Diệp Quang Ban, 1989, tr.203] hoặc “thành phần phụ thuộc của từ tổ chính phụ” có trung tâm là vị từ [Nguyễn Kim Thân, 1997, tr.521]. Tuy nhiên, các tác giả theo quan niệm này đều thừa nhận rằng việc phân biệt trạng ngữ với “bổ ngữ tự do” của vị từ *không phải bao giờ cũng thật rạch ròi được* [Diệp Quang Ban,

1984, tr.176] và *sự lẫn lộn giữa hai loại thành tố cú pháp này còn là hiện tượng phổ biến* [Nguyễn Kim Thân, 1997, tr.521]. Trên thực tế, các tác giả chủ trương phân biệt trạng ngữ với bổ ngữ tự do (bổ ngữ hoàn cảnh) của vị từ cũng chưa bao giờ đưa ra được tiêu chí thực sự rõ ràng để phân biệt hai loại thành tố cú pháp này. Chẳng hạn, khi phân biệt trạng ngữ (từ in đậm đứng sau kết từ *vì* trong câu: (5) *Con gà chết vì đói.*) với bổ ngữ hoàn cảnh của vị từ (từ in đậm trong câu: (6) *Con gà chết đói.*), Diệp Quang Ban cho rằng sự khác nhau giữa chúng là ở chỗ trạng ngữ có quan hệ với cả nòng cốt câu (cụm chủ vị đứng trước), còn bổ ngữ hoàn cảnh của vị từ chỉ có quan hệ riêng với vị từ (*chết*) [Diệp Quang Ban, 1989, tr.203]. Tuy nhiên, cơ sở để khẳng định sự khác nhau về quan hệ cú pháp giữa trạng ngữ (*đói* ở câu 5) và bổ ngữ hoàn cảnh của vị từ (*đói* ở câu 6) không được tác giả chỉ rõ. Có thể thấy điều rất khó giải thích ở đây là: Vì sao *đói* ở câu 6 có quan hệ với vị từ - vị ngữ; còn *đói* ở câu 5 lại không có quan hệ với vị từ - vị ngữ mà có quan hệ với cả cụm chủ vị nòng cốt?

Theo chúng tôi, quan niệm trên đây về trạng ngữ mặc dù được thừa nhận rộng rãi trong các công trình nghiên cứu về cú pháp cũng như trong các tài liệu dạy - học về tiếng Việt nhưng quan niệm này có những hạn chế nhất định; do đó, cần được xem xét điều chỉnh cho phù hợp với lý thuyết cú pháp hiện đại và với thực tế hơn. Cụ thể:

1) *Về lý thuyết*: Quan niệm coi trạng ngữ là thành phần phụ của câu “không phụ thuộc về mặt cú pháp vào yếu tố ngôn ngữ nào trong nòng cốt câu cả, mà có quan hệ cú pháp với toàn bộ nòng cốt câu.” [Diệp Quang Ban, 1984, tr.175] chưa dựa trên các tiêu chí thực sự rõ ràng, khách quan dùng để xác định quan hệ cú pháp giữa các từ. Theo V. S. Panfilov, trong nghiên cứu ngữ pháp, trước hết, cần xem xét một trong những câu hỏi quan trọng: *Sự có mặt của mối quan hệ cú pháp (giữa các từ, cụm từ trong câu) được xác định bằng cách nào?* [V. S. Panfilov, 2008, tr.77]. Câu hỏi trên đây rõ ràng chưa được làm rõ trong nghiên cứu về cú pháp theo quan điểm truyền thống, cụ thể, trong việc xác định quan hệ cú pháp giữa trạng ngữ với bộ phận còn lại của câu. Điều này khiến cho việc xác định mối quan hệ cú pháp giữa các từ, cụm từ trong câu, trong một số trường hợp, còn có sự chủ quan, cảm tính nhất định.

2) *Về thực tiễn*: Quan niệm trên đây về trạng ngữ có sự mâu thuẫn với thực tế sử dụng ngôn ngữ, theo đó, trong lời nói, có thể gặp phổ biến những câu chỉ gồm trạng ngữ và vị ngữ. Ví dụ:

(7) *Lúc đói, ăn cơm muối cũng ngon.* (Dẫn theo [Tiếng Việt 4, tập hai, 2017, tr.52])

(8) *Ra đường, gặp toàn những gương mặt râu rì, héo hon.* (Dẫn theo [Tiếng Việt 4, tập hai, 2017, tr.142])

(9) *Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giã.* (Dẫn theo [Ngữ văn 6, tập hai, 2017, tr.3])

(10) *Vào Động Nước, phải đi bằng thuyền và mang theo đèn đuốc.* (Dẫn theo [Ngữ văn 6, tập hai, 2017, tr.143])

Điều đáng chú ý nữa là đối với nhiều câu gồm cả trạng ngữ, chủ ngữ, vị ngữ, việc lược bỏ chủ ngữ không dẫn đến sự phá vỡ mối quan hệ cú pháp giữa trạng ngữ và vị ngữ. Ví dụ:

(11a) *Để hiểu biết, chúng ta cần học tập.* → (11 b) *Để hiểu biết, cần học tập.*

(12a) *Nói xong, cụ lại ho sù sụ.* → (12 b) *Nói xong, lại ho sù sụ.* (Nguyễn Công Hoan)

(13a) *Đến đâu, người ta cũng gặp những gương mặt tươi tỉnh, rạng rỡ.* →

(13b) *Đến đâu, cũng gặp những gương mặt tươi tỉnh, rạng rỡ.* (Dẫn theo [Tiếng Việt 4, tập hai, 2017, tr.144])

Sự tồn tại của những câu chỉ gồm trạng ngữ, vị ngữ như dẫn ra trên đây cho thấy cần xem xét lại ý kiến cho rằng *trạng ngữ không phụ thuộc về mặt cú pháp vào yếu tố ngôn ngữ nào trong nòng cốt câu mà có quan hệ với toàn bộ nòng cốt câu.*

Những câu chỉ gồm trạng ngữ, vị ngữ cho thấy trong cụm chủ vị, chủ ngữ không tham gia vào mối quan hệ cú pháp với trạng ngữ. Bằng chứng là sự vắng mặt của chủ ngữ hầu như không ảnh hưởng tới mối quan hệ cú pháp giữa trạng ngữ, vị ngữ.

Cũng cần chỉ ra rằng trong việc phân tích cú pháp bằng sơ đồ, đối với những câu chỉ gồm trạng ngữ, vị ngữ, rất khó biểu diễn mối quan hệ cú pháp giữa trạng ngữ và cụm chủ vị (do thiếu vắng chủ ngữ).

Để khắc phục những hạn chế của quan niệm chỉ ra trên đây về trạng ngữ, cần có sự điều chỉnh cách hiểu về mối quan hệ cú pháp của trạng ngữ với bộ phận còn lại của câu.

Theo quan niệm của sách Ngữ văn mới, trạng ngữ được coi là thành phần phụ trong câu, chỉ bối cảnh (*thời gian, vị trí, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, tính chất...*) của sự việc nêu trong câu (nêu ở vị ngữ). Trạng ngữ có thể được biểu hiện bằng từ, cụm từ (gồm cả cụm chủ vị) và thường trả lời cho các câu hỏi: *Khi nào? Ở đâu? Vì sao? Để làm gì? Bằng gì? Như thế nào?...* [Ngữ văn 6, tập hai, 2021, tr.66].

Về cú pháp, trạng ngữ có mối quan hệ với vị ngữ. Cơ sở để khẳng định điều này là *cách xác định sự có mặt của mỗi quan hệ cú pháp giữa các từ, cụm từ trong câu dựa vào cả tiêu chí nội dung và hình thức*; theo đó, *hai từ/ cụm từ được coi là quan hệ cú pháp với nhau nếu: a) giữa chúng có thể xác định một kiểu quan hệ ý nghĩa nhất định (tiêu chí nội dung) và b) ngữ đoạn chứa chúng có khả năng dùng độc lập hoặc dùng với tư cách là biến thể tỉnh lược của câu (tiêu chí hình thức)* [Nguyễn Mạnh Tiến, 2014, tr.50], [Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Mạnh Tiến, 2017, tr.343]. Với cách xác định sự có mặt của mỗi quan hệ cú pháp giữa các từ, cụm từ trong câu trên đây, có cơ sở để cho rằng trạng ngữ là thành phần phụ không bắt buộc trong câu, được dùng để mở rộng vị ngữ (*là yếu tố mở rộng tự do cho vị ngữ*) [V. S. Panfilov, 2008, tr.77]. Mối quan hệ cú pháp giữa trạng ngữ và vị ngữ được khẳng định bởi sự có mặt của cả mối quan hệ về nội dung (ý nghĩa) lẫn mối quan hệ về hình thức giữa chúng. Cụ thể:

a) *Về nội dung*: Giữa trạng ngữ và vị ngữ luôn có thể xác định một kiểu quan hệ ý nghĩa nhất định. Chẳng hạn, ở những câu dưới đây, trạng ngữ (in đậm) lần lượt chỉ *thời gian, vị trí, nguyên nhân, mục đích, phương tiện* của sự việc nêu ở vị ngữ (in đậm):

(14a) *Lính tình dẫn đến cửa ngục sáu tên tù từ sáng sớm.* (Nguyễn Tuân)

(15a) *Ô tô giặc chạy rầm rầm dưới đường.* (Nam Cao)

(16a) *Chúng tôi chia tay nhau vì sự đời.* (Tô Hoài)

(17a) *Tre hi sinh để bảo vệ con người.* (Thép Mới)

(18a) *Tôi bắt cá sáu bằng hai tay.* (Sơn Nam)

b) *Về hình thức*: Trạng ngữ và vị ngữ luôn có khả năng tạo thành tổ hợp dùng với tư cách là biến thể tỉnh lược của câu (như những câu 7,8,9,10, 11b,12b,13b). Đối với các trạng ngữ ở những câu từ 14a đến 18a, khi văn cảnh cho phép, chúng hoàn toàn có thể cùng với vị ngữ tạo thành câu tỉnh lược chủ ngữ. Ví dụ:

(14b) - *Lính tình dẫn đến cửa ngục sáu tên tù từ khi nào?*

(14c) - *Dẫn đến từ sáng sớm.*

(15b) - *Ô tô giặc chạy ở đâu?*

(15c) - *Chạy dưới đường.*

(16b) *Các bạn chia tay nhau vì sao?*

(16c) *Chia tay nhau vì sự đời.*

(17b) *Tre hi sinh để làm gì?*

(17c) *Hi sinh để bảo vệ con người.*

(18b) *Ông bắt cá sáu bằng gì?*

(18c) *Bắt bằng hai tay.*

Sự điều chỉnh cách hiểu về mối quan hệ cú pháp giữa trạng ngữ và bộ phận còn lại của câu (theo đó, trạng ngữ được coi là thành phần phụ trong câu có quan hệ cú pháp với vị ngữ) không chỉ có cơ sở khoa học như đã chỉ ra mà về mặt thực tiễn, còn giúp tránh được khó khăn, mâu thuẫn trong phân tích cú pháp, nhất là đối với những câu chỉ gồm trạng ngữ, vị ngữ. Đối với những câu đó, cách phân tích duy nhất đúng là biểu diễn quan hệ cú pháp phụ thuộc giữa trạng ngữ và vị ngữ.

3.2. Sự điều chỉnh cách hiểu về phạm vi của trạng ngữ

Theo quan niệm của sách Ngữ văn mới như đã chỉ ra, về cấu tạo, trạng ngữ có thể được biểu hiện bằng từ, cụm từ (gồm cả cụm chủ vị). Khi tiếp nhận quan niệm này, một số anh chị em giáo viên, do ảnh hưởng của quan niệm cũ, tỏ ý băn khoăn hoặc chưa thật sự đồng tình. Chẳng hạn, khi xem xét câu: (19) *“Tôi không trả lời mẹ vì tôi muốn khóc quá”* (Tạ Duy Anh), một số anh chị em giáo viên cho rằng cụm chủ vị (in đậm) đứng sau kết từ *vì* không phải là trạng ngữ mà là vế phụ của câu ghép. Ý kiến thắc mắc của anh chị em giáo viên liên quan đến một vấn đề khá phức tạp trong phân tích cú pháp. Để làm rõ vấn đề này (qua đó, làm rõ chức năng cú pháp của cụm chủ vị đứng sau kết từ *vì* trong câu (19), theo chúng tôi, cần chú ý những điểm sau:

1) Khi phân tích cú pháp (xác định các thành phần câu), cần phân biệt mặt cấu tạo và mặt chức năng. Việc xác định một từ, cụm từ nào đó trong câu là thành phần nhất định (chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ) là xét theo mặt chức năng cú pháp, còn việc xác định mỗi thành phần câu cụ thể được biểu hiện như thế nào (bằng từ, ngữ/ cụm từ chính phụ hoặc cụm chủ vị) là xét về mặt cấu tạo. Về mặt cấu tạo,

các thành phần câu trong tiếng Việt (chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ) đều có thể được biểu hiện bằng từ, ngữ hoặc cụm chủ vị. Chẳng hạn, ở những câu dưới đây, chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ (in đậm) lần lượt được biểu hiện bằng từ, ngữ và cụm chủ vị:

- *Chủ ngữ*:

(20a) **Gió** thổi mạnh.

(20b) **Gió nam** thổi mạnh.

(20c) **Gió thổi mạnh** làm cho Sơn thấy lạnh và cay mắt. (Thạch Lam)

- *Vị ngữ*:

(21a) Chị Dậu **thất vọng**.

(21b) Chị Dậu **vẫn không nói gì**.

(21c) Chị Dậu cũng **nước mắt chảy qua gò má rờn rờn**. (Ngô Tất Tố)

- *Trạng ngữ*:

(22a) Nó thêm **vì đói**.

(22b) Nó thêm **vì đói quá**.

(22c) Nó thêm **vì nó đói**. (Nguyễn Công Hoan)

2) Khi xác định các thành phần câu nói chung, trạng ngữ nói riêng, trước hết, cần dựa vào đặc điểm ý nghĩa, chức năng cú pháp (chứ không phải dựa vào đặc điểm cấu tạo). Đối với trạng ngữ, các đặc điểm quan trọng được xác định trong sách Tiếng Việt và sách Ngữ văn (cả sách Ngữ văn mới và sách Tiếng Việt, sách Ngữ văn cũ) là: a) *chỉ bối cảnh (thời gian, vị trí, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, tính chất...)* của sự việc nêu trong câu; b) *thường trả lời cho các câu hỏi: Khi nào?, Ở đâu?, Vì sao?, Để làm gì?, Bằng gì?, Như thế nào?,...* [Tiếng Việt 4, tập hai, 2017, tr.126], [Ngữ văn 6, tập 2, 2021, tr.66]. Dựa vào các đặc điểm nêu trên đây, không thể không coi các cụm chủ vị được dẫn nói bởi kết từ vì ở những câu (19), (22c) là trạng ngữ (vì chúng *chỉ nguyên nhân* của sự việc nêu trong câu và trả lời cho câu hỏi: *Vì sao?*). Việc không coi các cụm chủ vị đó là trạng ngữ sẽ dẫn đến sự mâu thuẫn với chính định nghĩa về trạng ngữ, một mâu thuẫn rất khó khắc phục. Ở đây, cần chỉ ra rằng việc coi các cụm chủ vị in đậm trong những câu (19), (20c), (21c), (22c) là các thành phần câu (trạng ngữ, chủ ngữ, vị ngữ) không có gì mâu thuẫn với việc coi những câu chứa chúng là câu ghép (câu phức) vì việc xếp một câu nào đó vào câu ghép là xét theo độ phức tạp về cấu tạo (xét theo số lượng cụm chủ vị); còn việc xác định một từ, cụm từ nào đó trong câu là thành phần gì là xét về mặt chức năng.

Khi xác định trạng ngữ dựa vào các đặc điểm nêu trên đây, cũng không thể không coi các từ in đậm trong câu: (4) “*Đôi cánh tôi, trước kia gần hùn hoãn, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi.*” là trạng ngữ vì các từ này *chỉ thời gian* (một trong các ý nghĩa đặc trưng của trạng ngữ) và trả lời cho câu hỏi *Khi nào?*

4. Kết luận

Trên đây, chúng tôi đã nêu một số ý kiến trao đổi về phần Tiếng Việt trong sách Ngữ văn mới (Bộ *Cánh Diều*) với mong muốn giúp anh chị em giáo viên khắc phục những khó khăn trong tổ chức dạy - học. Qua các nội dung đã trình bày, có thể rút ra những kết luận sau:

1) Sự điều chỉnh của sách Ngữ văn mới ở một số nội dung về từ loại và thành phần câu là nhằm đảm bảo sự phù hợp giữa nội dung của sách giáo khoa mới với nội dung quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (môn Ngữ văn).

2) Những điều chỉnh ở nội dung về từ loại thực chất chỉ là sự điều chỉnh về tên gọi và phạm vi của một số nhóm từ cho phù hợp hơn. Sự điều chỉnh này giúp làm sáng tỏ hơn các diện đối lập cơ bản trong hệ thống từ loại tiếng Việt, cụ thể, làm rõ hơn phạm vi, ranh giới của một số từ loại có đặc điểm tương đối phức tạp như *phó từ, đại từ, trợ từ*.

3) Những điều chỉnh ở nội dung về thành phần trạng ngữ giúp phản ánh chân thực hơn đặc điểm cú pháp của thành phần câu này, cụ thể, làm rõ hơn mối quan hệ cú pháp giữa trạng ngữ với bộ phận còn lại của câu và đặc điểm cấu tạo của trạng ngữ; đồng thời, giúp xác định, phân tích trạng ngữ trong câu được thuận lợi, dễ dàng hơn.

4) Đối với giáo viên, những điều chỉnh của sách Ngữ văn mới ở một số nội dung về từ loại và thành phần câu, nhìn chung, không gây trở ngại lớn trong tổ chức dạy - học (vì chúng không dẫn đến sự thay

đổi cơ bản về kiến thức); trái lại, tính hợp lí của sự điều chỉnh này sẽ giúp cho việc tổ chức dạy - học thuận lợi hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Minh Toán (Chủ biên) (2017), *Hur từ tiếng Việt trên các bình diện ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. *Chương trình giáo dục phổ thông*, 2018
3. Diệp Quang Ban (1984), *Cấu tạo câu đơn tiếng Việt*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I.
4. Diệp Quang Ban (1989), *Ngữ pháp tiếng Việt phổ thông*, Nxb Đại học và Giáo dục Chuyên nghiệp.
5. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
6. Đinh Văn Đức (2010), *Ngữ pháp tiếng Việt - Từ loại*, Nxb Giáo dục.
7. Nguyễn Kim Thân (1997), *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
8. Nguyễn Mạnh Tiến (2014), "Về mối quan hệ cú pháp giữa trạng ngữ và bộ phận còn lại của câu nhìn từ góc độ kết tri của vị từ", *T/c Ngôn ngữ*, số 2.
9. Nguyễn Mạnh Tiến, Nguyễn Văn Lộc (2017), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
10. Nguyễn Tài Cẩn (1998), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. *Ngữ văn 6*, tập một, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2017.
12. *Ngữ văn 6*, tập hai, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2017.
13. *Ngữ văn 6*, tập hai, Nxb, Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, 2021.
14. *Ngữ văn 8*, tập một, Nxb Giáo dục, 2005.
15. *Tiếng Việt 4*, tập hai, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2017, Tr.115.
16. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia (2002), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, Nhân văn.
17. V. S. Panfilov (2008), *Cơ cấu ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

Some opinions about the Vietnamese section in the new Literature book for middle school students: "*Canh diều*"

Abstract: The article discusses some ideas about the Vietnamese section in the new Literature book for middle school in order to help teachers organize the teaching and learning method of this module effectively. The two main contents that the article refers to are: 1) The adjustment in the content of the parts of speech category: Arrange words such as *những, các, mọi, mỗi, từng*, etc. into the adverb category; words such as *này, kia, ấy, đó*, etc. into the pronoun sector; words such as *à, ư, nhỉ, nhé*, etc. into the auxiliary sector. 2) The adjustment in the understanding of the adverbial component: Syntactically, an adverbial clause is a sentence element that is related to the predicate. In terms of structure, the an adverbial clause is not only expressed by words, main compound phrases, but also can be expressed by subject - predicate cluster.

Key words: adverb; pronoun; auxiliary; main compound phrases; subject - predicate cluster; adverbial clause.